

Bản án số: 29/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 27-6-2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Ông Lê Văn Ty

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966; Nơi cư trú: số 49, khu phố 3, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị H1, sinh năm 1970; Nơi cư trú: số 49, khu phố 3, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà Lê Thị H1 qua mai mối, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1987 và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/9/1996. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Lê Q, sinh ngày 17/3/1990 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/6/1991. Tuy nhiên đến giữa năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn trong chuyện làm ăn và nuôi dạy con cái dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và đã ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay. Trong

thời gian ly thân vợ chồng đã nhiều lần gặp mặt để hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với bà H1.

- Về con chung: Nguyễn Lê Q, sinh ngày 17/3/1990 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/6/1991 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết

- Về nợ chung: không có.

Bà Lê Thị H1 vắng mặt tại Tòa cũng như trong suốt quá trình giải quyết nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H đối với bà Lê Thị H1, cụ thể:

+ Về hôn nhân ông H được ly hôn với bà H1

+ Về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết

+ Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2018 của ông Nguyễn Văn H đối với bà Lê Thị H1 thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bà Lê Thị H1 có nơi cư trú tại thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho bà H1 đến Tòa để tiến hành hòa giải

nhưng bà H1 vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bà Hoàng đến để tham gia phiên tòa nhưng bà H1 vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H1.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 1987 và đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại UBND thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông bà cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Theo ông H trình bày thì nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong chuyện làm ăn và nuôi dạy con cái. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ sau khi Tòa thụ lý hồ sơ vụ án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải cho bà H1 biết để bà đến Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia hoà giải với ông H nhằm tìm biện pháp tích cực để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng bà H1 vẫn cố tình không đến, điều đó chứng tỏ bà H1 cũng không có thiện chí đoàn tụ với ông H. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân – Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà H1 là phù hợp.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H1 có 02 con chung tên Nguyễn Lê Q, sinh ngày 17/3/1990 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/6/1991. Hiện 02 con đã trưởng thành và ông H không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: ông H trình bày không có nên không xem xét giải quyết

[3] Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 147 điểm, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Lê Thị H1

2. Về con chung: tên Nguyễn Lê Q, sinh ngày 17/3/1990 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/6/1991. Hiện 02 con đã trưởng thành và ông H không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết

3 Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết

4 Về nợ chung: ông H trình bày không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014805 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

